

QUẢN CHỨNG HẢI QUẢN
TỔNG CÔNG TY
TÂN CẢNG SÀI GÒN
Số: 20/KD-CNMB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giá dịch vụ tại Cảng cạn
Tân Cảng – Hải Phòng

Hải An, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: - Quý Hãng tàu / Đại lý Hãng tàu;
- Quý Khách hàng;

Trước tiên, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCSG) xin chân thành cảm ơn Quý Hãng tàu/ Đại lý Hãng tàu và Khách hàng đã tin tưởng sử dụng dịch vụ của chúng tôi tại Cảng cạn Tân Cảng – Hải Phòng trong thời gian qua. Để đáp ứng nhu cầu của Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Khách hàng, chúng tôi đã mở rộng dịch vụ cung cấp tại Cảng cạn Tân Cảng – Hải Phòng (TCHP) với đơn giá dịch vụ cụ thể như sau: (Đơn giá chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng):

I. DỊCH VỤ NÂNG HẠ

1. Giá dịch vụ nâng hạ container:

Bảng 01:

Đơn vị tính: VNĐ/Container

Loại container	Bãi - Ô tô (Container thông thường)
Container 20'	
- Có hàng	825.000
- Rỗng	800.000
Container 40'	
- Có hàng	1,180,000
- Rỗng	1,150,000
Container > 40'	
- Có hàng	1,250,000
- Rỗng	1,220,000

2. Các trường hợp phụ thu:

- Đối với container đặc biệt bao gồm: Container lạnh, Container Flatrack, Container Open-top, Container chứa hàng nguy hiểm (DG), Container bồn (Tank), giá xếp dỡ phụ thu thêm 50% so với đơn giá quy định tại Bảng 01.

- Đối với container hàng mà kích thước hàng hóa có một trong các yếu tố chiều dài chiều rộng, chiều cao vượt quá kích thước của container tiêu chuẩn (Container quá khổ): giá xếp dỡ phụ thu thêm 50% đơn giá quy định tại Bảng 01.

- Đối với container chứa hàng nguy hiểm, độc hại (a-xít, thuốc thuộc da, thuốc trừ sâu, chất phóng xạ...) và các loại hàng nguy hiểm theo quy định của



IMDG Code: giá xếp dỡ phụ thu thêm 50% đơn giá quy định tại giá tại Bảng 01.

- Container dạng Flatrack phải thu gom tại Bãi thì cước thu gom mỗi Flatrack tính bằng 50% đơn giá xếp dỡ container rỗng theo chiều tác nghiệp từ Bãi - Ô tô.

II. DỊCH VỤ ĐÓNG RÚT

Bảng 02:

Đơn vị tính: VNĐ/container

Mã số	Phương án làm hàng	Cont 20'	Cont 40'	Cont 45'
A. Đối với hàng thông thường				
1	❖ Đóng/rút hàng thông thường từ xe chủ hàng, bãi cảng vào container hoặc			
	○ Đóng	950,000	1,610,000	2,320,000
	○ Rút	1,160,000	1,960,000	2,840,000
2	❖ Đóng/rút hàng thông thường từ container tại bãi cảng vào container tại bãi			
	○ Đóng, rút	1,760,000	2,720,000	4,210,000
B. Đối với hàng bao trong container thường, hàng trong container lạnh				
3	❖ Đóng/rút hàng từ xe chủ hàng, bãi cảng vào container hoặc ngược lại			
	○ Đóng	1,240,000	2,230,000	3,190,000
	○ Rút	2,180,000	3,930,000	5,700,000
4	❖ Đóng/rút hàng từ container tại bãi cảng vào container tại bãi cảng			
	○ Đóng, rút	2,990,000	4,660,000	7,320,000
C. Đối với hàng kiểm hóa				
5	❖ Đóng/rút hàng phục vụ kiểm hóa			
	○ Nguyên container	900.000	1.500.000	1.700.000
	○ Lớn hơn ½ container	650.000	950.000	1.200.000
	○ Nhỏ hơn hoặc bằng ½ container	450.000	750.000	850.000

* Lưu ý:

- Đối với container hàng, rỗng đã được hạ trong kho bãi của Cảng cạn TCHP, đơn giá đóng/rút container trên đã bao gồm các phí nâng/hạ, vận chuyển container rỗng, hàng trước và sau khi đóng/rút hàng hóa về vị trí bãi rỗng hoặc bãi chờ xuất tàu.

- Đối với container rỗng dùng đóng/rút hàng phải vận chuyển từ các Depot về Cảng cạn TCHP, cước đóng/rút được cộng thêm phí nâng container của Depot và phí vận chuyển.

- Bảng 02 áp dụng cho đóng/rút hàng không mùi, không độc hại và không thuộc một trong những mặt hàng dưới đây:

- + Hàng chung chủ
- + Yêu cầu dùng 2 loại phương tiện
- + Hàng yêu cầu đóng/rút kết hợp tháo/ chằng buộc đai kiện hàng
- + Hàng độc hại, IMDG



- + Hàng dễ vỡ, gạch ốp lát, linh kiện điện tử
- + Hàng sắt, tôn tấm, sắt thép phế liệu
- + Hàng thùng phuy
- + Hàng máy móc, thiết bị, xe công trình
- + Xe ô tô con
- + Hàng sắt, tôn cuộn, sắt, tôn tấm: 10T/cuộn hoặc dài > 6m
- + Hàng gỗ cây, đá cục; Hàng cao su
- + Hàng bao Jumbo

Trường hợp hàng hóa thuộc một trong những mặt hàng vừa nêu trên đây, hàng yêu cầu mang vác nặng, yêu cầu thiết bị xếp dỡ hiện đại, hàng máy móc thiết bị siêu trường, siêu trọng, sẽ được báo giá đến khách hàng khi có kích thước, trọng lượng và phương án làm hàng cụ thể.

III. DỊCH VỤ LƯU KHO, BÃI

1. Lưu bãi container:

Bảng 03:

Đơn vị tính: VNĐ/container/ngày

Container thường	Từ ngày thứ 6	Từ ngày thứ 31 trở đi
Container ≤ 20'		
- Có hàng	11.000	16.500
- Rỗng	8.000	12.000
Container 40'		
- Có hàng	16.500	25.000
- Rỗng	12.000	18.000
Container 45'		
- Có hàng	24.000	36.000
- Rỗng	18.000	27.000

Lưu bãi hàng container nguy hiểm, container quá khổ, quá tải: cước lưu bãi tính tăng 50% (bằng 150%) đơn giá quy định tại Bảng 03.

Quy định về thời gian miễn phí lưu bãi:

- Đối với container rỗng/hàng thông thường: Miễn 05 ngày
- Đối với container hàng nguy hiểm/quá khổ/quá tải: Miễn phí 05 ngày
- Đối với container SOC chờ xuất lên tàu, sà lan, phí lưu bãi sẽ được tính khoản 3 ngày.

2. Lưu kho bãi ô tô, xe chuyên dùng:

Bảng 04:

Đơn vị tính: VNĐ/xe/ngày

Lưu kho/Bãi	Trong 60 ngày đầu	Từ ngày thứ 61 đến ngày thứ 100	Từ ngày thứ 101 trở đi
Lưu kho	160.000	190.000	240.000
Lưu bãi	80.000	100.000	120.000



IV. CÁC DỊCH VỤ KHÁC

1. Dịch vụ điện lạnh:

- + Cấp điện cho container hàng lạnh 20': 27.000 VNĐ/ container/giờ
- + Cấp điện cho container hàng 40': 48.000 VNĐ/ container/giờ
- + Phí cắm thử điện lạnh: 60.000 VNĐ/ container/lượt.

Đơn giá trên bao gồm phí cấp điện và phí vận hành container lạnh, mức thu tối thiểu một lần sử dụng điện là 01 giờ.

2. Dịch vụ vệ sinh:

Bảng 05:

Đơn vị tính: VNĐ/container/lượt

Loại container	Vệ sinh nước	Vệ sinh công nghiệp nhẹ
Container rộng thường 20'	100.000	250.000
Container rộng thường 40'	140.000	350.000
Container rộng thường 45'	150.000	360.000
Container rộng lạnh 20'	200.000	250.000
Container rộng lạnh 40'	280.000	400.000

Đối với trường hợp container rộng bốc mùi hôi thối, gây mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường hoặc những trường hợp container dính chất thải độc hại, nguy hiểm thì giá vệ sinh sẽ được tính tăng 50% so với giá vệ sinh công nghiệp.

3. Dịch vụ cân:

Bảng 06:

Đơn vị tính: VNĐ/lượt

TT	Loại hàng	Đơn giá
I	Cân dịch vụ	
1	Container hàng 20'	70.000
2	Container hàng 40'	100.000
3	Loại hàng khác	100.000
II	Cân hàng Hạ bãi chờ xuất	
1	Container hàng 20'	40.000
2	Container hàng 40'	70.000

4. Dịch vụ khác:

- Dịch vụ hun trùng: 800.000 đồng/container
- Dịch vụ trái vỏ phục vụ đóng rút hàng hóa tại bãi ICD TCHP: 500.000 đồng/container/lượt
- Dịch vụ đảo chuyên container theo yêu cầu của khách hàng: 69.450 đồng/container 20'/lượt và 92.600 đồng/container 40'/lượt
- Phí bóc tem: 50.000 đồng/tem
- Phí nhỏ đĩnh:
 - o 50.000 đồng với trường hợp nhỏ 10 đĩnh
 - o 100.000 đồng với trường hợp nhỏ từ 10 đĩnh trở lên



